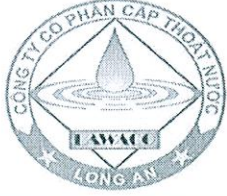


	CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC	Mã số: BM02-QT09 Lần ban hành: 03 Ngày hiệu lực: 01/08/2024 Trang: 1/1				
Số: 575 /KQTN-2026		Tây Ninh, ngày 15 tháng 07 năm 2026				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT						
- Tên mẫu thử (Name of sample):	Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Bến Lức Ấp Bến Lức 3 - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh	  VILAS 1159				
- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):	Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh					
- Mô tả mẫu (Description):	Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.					
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):	08/07/2026					
- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter):	Nguyễn Ngọc Minh					
- Số phiếu YC (Number of questionnaire):	218	MSM: 260708.35				
Kết quả thử nghiệm (Test results):						
Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		7.0	6.0~8.5	08/07/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	08/07/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/07/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	0.51	2	08/07/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	0.86	2	08/07/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.28	0.2~1.0	08/07/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	08/07/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/07/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/07/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	09/07/2026
TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC (Head of Testing Department)			PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (Deputy General Director)			
 Nguyễn Thị Thùy Dung			 Lưu Văn Cần			
Nhận xét: Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.						
Ghi chú: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. 2. LOQ: Giới hạn định lượng. 3. KPH: Không phát hiện. 4. (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017. 5. (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.						

	CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC	Mã số: BM02-QT09
		Lần ban hành: 03
		Ngày hiệu lực: 01/08/2024
		Trang: 1/1

Số: 576 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử (Name of sample):

Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Gò Đen Ấp 1 - xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer):

Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức
Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description):

Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving):

08/07/2026

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter):

Nguyễn Ngọc Minh

- Số phiếu YC (Number of questionnaire):

218

MSM: 260708.36



VILAS 1159

Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteritic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		7.0	6.0-8.5	08/07/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	08/07/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/07/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	0.76	2	08/07/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	08/07/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.30	0.2-1.0	08/07/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	08/07/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/07/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/07/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	09/07/2026

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC

(Head of Testing Department)



Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Deputy General Director)



Lưu Văn Cần

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. LOQ: Giới hạn định lượng.

3. KPH: Không phát hiện.

4. (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.

5. (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Đ/C PTNN: TL818 - Ấp 7, xã Thủ Thừa - tỉnh Tây Ninh. ĐT: 18006676 - 02723.667777

BM02-QT09

Lần ban hành: 03/2024

Trang 1/1



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 578 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT



- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Phước Tỉnh, ấp Phước Tỉnh, xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức
Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 08/07/2026

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter): Nguyễn Ngọc Minh

- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 218

MSM: 260708.38

Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		6.6	6.0~8.5	08/07/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	08/07/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/07/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	0.77	2	08/07/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	08/07/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.25	0.2~1.0	08/07/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	08/07/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/07/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/07/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	09/07/2026

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)



Lưu Văn Cần

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 577 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT



- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại trạm xử lý nước sạch ấp Thanh Hiệp, Thanh Phú - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 08/07/2026

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter): Nguyễn Ngọc Minh

- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 218

MSM: 260708.37

Kết quả thử nghiệm (Test results):

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		6.8	6.0~8.5	08/07/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	08/07/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	08/07/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	0.92	2	08/07/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	08/07/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.27	0.2~1.0	08/07/2026
7	Hàm lượng N-NH ₄ *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	08/07/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	08/07/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	08/07/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	09/07/2026

TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Deputy General Director)



Lưu Văn Cần

Nhận xét:

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.